

Vietnam Daily Review

Đột ngột giảm mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/7/2021		•	
Tuần 5/7-9/7/2021		•	
Tháng 7/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex duy trì sắc xanh từ đầu phiên sáng cho đến giữa phiên chiều nhưng áp lực bán mạnh xuất hiện đột ngột vào cuối phiên đã khiến chỉ số dờn về gần ngưỡng 1350. Dòng tiền đầu tư suy giảm với phần lớn nhóm ngành giảm điểm. Trong khi đó, khối ngoại mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường duy trì trạng thái tiêu cực với thanh khoản không chênh lệch nhiều so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, lực cầu bắt đáy vẫn có thể xuất hiện vào những phiên tới và giúp VNIndex hồi phục trở lại về trên ngưỡng 1370.

Hợp đồng tương lai: Tất cả các HĐTL đều ở trong trạng thái giảm đồng thuận với xu hướng của chỉ số VN30. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1570 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 6/7/2021, chứng quyền và chứng khoán cơ sở phần lớn ở trong sắc đỏ. Giá trị giao dịch giảm mạnh so với phiên hôm trước.

Phân tích kỹ thuật: LHG_Duy trì nhịp tăng (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-56.34** điểm, đóng cửa **1354.79**. HNX-Index **-9.25** điểm, đóng cửa **318.51**.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.36); BID (+1.26); VCB (+1.09); GVR (+0.65); NVL (+0.59)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.72); TCB (-0.64); VHM (-0.52); VNM (-0.44); BVH (-0.36)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21,577** tỷ đồng, **-19%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 28,673 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 64.2 điểm. Thị trường có **59** mã tăng, 19 mã tham chiếu và **350** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **46.68** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (86.4 tỷ), VCB (76 tỷ) và MBB (61.7 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-13.64** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1354.79**
Giá trị: 21577.89 tỷ **-56.34 (-3.99%)**
Khối ngoại (ròng): 46.68 tỷ

HNX-INDEX **318.51**
Giá trị: 2908.73 tỷ **-9.25 (-2.82%)**
Khối ngoại (ròng): -13.64 tỷ

UPCOM-INDEX **89.07**
Giá trị: 1342.1 tỷ **-1.4 (-1.55%)**
Khối ngoại (ròng): -6.81 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	76.6	1.97%
Giá vàng	1,806	0.82%
Tỷ giá USD/VND	23,008	0.09%
Tỷ giá EUR/VND	27,258	-0.03%
Tỷ giá JPY/VND	20,766	0.19%
LS liên NH 1 tháng	1.4%	12.91%
LS TPCP 5 năm	1.1%	2.01%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	86.4	HPG	-115.5
VCB	76.0	VPB	-91.8
MBB	61.7	VNM	-39.4
MSN	54.2	CTG	-25.8
HDB	28.2	E1FVN30	-23.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 6/7

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	75.23	0.09%	3.20%	9.70%	79.42%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	76.26	0.12%	2.90%	7.60%	68.27%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	230.35	0.16%	3.90%	4.90%	77.32%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1792.00	0.26%	0.80%	-4.20%	-1.01%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.57	0.39%	1.80%	-3.10%	36.86%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1399.00	0.25%	10.20%	-1.00%	56.53%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	652.75	-1.92%	1.90%	-5.70%	25.29%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.79	0.12%	0.80%	-6.10%	1.76%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	199.64	1.76%	-7.00%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	18.15	1.17%	4.90%	2.40%	48.89%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	153.05	-2.14%	-3.00%	-6.20%	37.39%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9376.50	0.58%	-0.40%	-7.60%	55.83%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	797.60	0.94%	1.80%	0.60%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	840.17	0.56%	2.20%	-0.30%			
Nhôm	USD/ton	2562.00	1.99%	3.10%	4.80%	58.74%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	185.28	3.30%	1.00%	0.90%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	134.00	1.94%	5.30%	21.40%	101.96%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 8 tăng 0.15 USD hay 0.2% lên 76.32 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 0.12 USD hay 0.5% lên 75.28 USD/thùng.
- OPEC+ chưa đạt đồng thuận trong quyết định tăng sản lượng thêm 2 triệu thùng trong thời gian 8-12/2021, cũng như việc kéo dài cắt giảm sản lượng trong các năm 2021-2022. OPEC+ sẽ họp thêm một lần nữa vào ngày 5/7.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.1% lên 1,788.60 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8 tăng 0.3% lên 1,788.50 USD/ounce.

	6/7	% 6/7	5/7	% 5/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1354.79	-3.99%	1411.13	-0.64%	-3.92%	-1.40%
S&P 500			4352.34	0.75%	1.67%	3.43%
HĐTL S&P500	4340.00	-0.06%	4342.80	0.74%	1.39%	3.80%
Shang- hai	3530.26	-0.11%	3534.32	0.44%	-1.20%	-1.51%
Euro Stoxx	4074.40	-0.32%	4087.37	0.07%	-0.81%	-0.37%

Phân tích kỹ thuật
LHG_Duy trì nhịp tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: LHG vẫn đang ở trong trạng thái tăng từ đầu tháng 2 đến nay. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu tiềm năng sẽ duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của LHG nằm tại khu vực 43.5-44. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 55.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 41.35 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

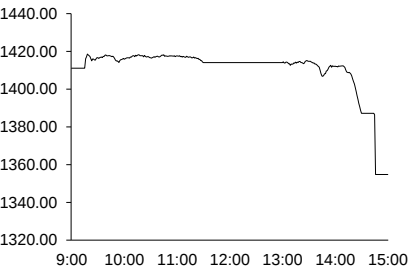
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	0.00%
Du lịch và Giải trí	-0.25%
Y tế	-0.63%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.54%
Truyền thông	-1.78%
Thực phẩm và đồ uống	-2.26%
Ô tô và phụ tùng	-2.57%
Xây dựng và Vật liệu	-2.84%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.97%
Bảo hiểm	-3.11%
Bất động sản	-3.12%
Ngân hàng	-4.26%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4.92%
Công nghệ Thông tin	-5.50%
Dầu khí	-5.65%
Tài nguyên Cơ bản	-5.80%
Hóa chất	-6.13%
Dịch vụ tài chính	-6.44%
Bán lẻ	-6.53%

Hình 1

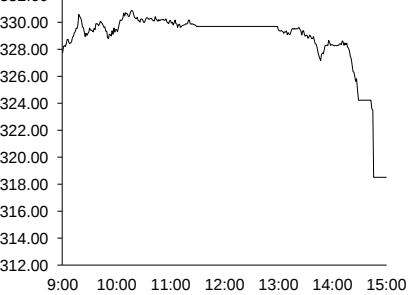
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/5/2021	GEX	23.6	26	21.85	22.7	1	-3.81%	Có thể tiếp tục mua
7/2/2021	VGT	20	23	18.5	19.1	4	-4.50%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/30/2021	CMG	37.3	42	35	37.6	6	0.80%	Có thể tiếp tục mua
6/29/2021	VJC	120	132	113	119.3	7	-0.58%	Có thể tiếp tục mua
6/28/2021	MSB	30.3	34	27.5	29.25	8	-3.47%	Có thể tiếp tục mua
6/25/2021	ACV	75.6	83.5	71.7	75	11	-0.79%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2021	GVR	34.8	44	30.9	33.8	12	-2.87%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/23/2021	CTD	65.4	72	58.5	61	13	-6.73%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/21/2021	POW	12.5	14	11.3	11.45	15	-8.40%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/18/2021	PLP	10.25	12.5	9.5	9.8	18	-4.39%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2021	GEG	17.2	19.5	16	16.5	20	-4.07%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/14/2021	FRT	27.1	32	25	27.35	22	0.92%	Có thể tiếp tục mua
6/11/2021	BVH	57.3	63.5	54.5	55.9	25	-2.44%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/10/2021	ASM	14.2	16	12.75	13	26	-8.45%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	26.3	36	-4.71%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
5/20/2021	REE	58.4	63.4	52	52.5	47	-10.10%	Cần nhắc đóng vị thế (*)

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

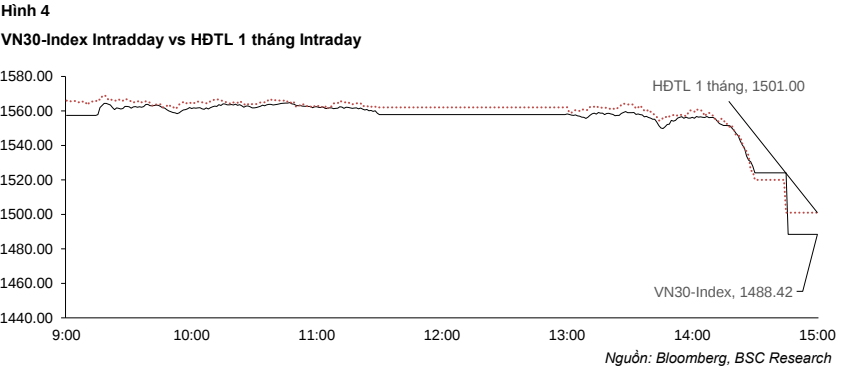
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/1/2021	VNM	90.9	110	88	SL	5	-3.19%
6/22/2021	HII	21.8	24	21	SL	10	-3.67%
6/17/2021	HBC	16.4	18.5	15.3	SL	14	-6.71%
6/15/2021	BMP	60.5	67	58.5	SL	20	-3.31%
6/9/2021	LCG	13.1	14.5	12.25	SL	26	-6.49%
6/8/2021	SBT	21.2	23.5	20	TP	10	10.85%
6/7/2021	D2D	54.3	60	52	SL	3	-4.24%
6/4/2021	KBC	35.5	43	32	FS	25	12.11%
6/3/2021	KSB	26.2	29.51	24.53	SL	33	-6.37%
6/2/2021	CEO	10.4	12.5	9.5	SL	33	-8.65%
6/1/2021	PLC	26.8	29.5	25.8	TP	6	10.07%
5/28/2021	IDC	37.4	41.5	35.5	SL	38	-5.08%
5/27/2021	LAS	11.4	13	10.4	TP	22	14.04%
5/26/2021	FMC	33.45	37	32.15	SL	7	-3.89%
5/25/2021	CTS	17.25	20	16.5	TP	7	15.94%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ
 FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	14	0.86%	-4.67%	-3.97%	17
Cổ phiếu đã chốt	159	94	13.66%	-7.89%	5.66%	27

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2107	1501.00	-4.27%	12.58	-5.2%	209,073	7/15/2021	11
VN30F2108	1506.00	-4.32%	17.58	-29.6%	769	8/19/2021	46
VN30F2109	1511.10	-3.74%	22.68	32.0%	128	9/16/2021	74
VN30F2112	1500.00	-3.72%	11.58	14.3%	72	12/16/2021	165

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 68.99 điểm xuống mức 1488.42 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, STB, VNM, HDB và FPT tác động mạnh đến vận động giảm của VN30. VN30 duy trì sắc xanh trong phiên sáng nhưng đã đột ngột giảm mạnh vào nửa cuối phiên chiều. VN30 có thể sẽ hồi phục về quanh ngưỡng 1500 trong những phiên tiếp theo.
- Tất cả các HĐTL đều ở trong trạng thái giảm đồng thuận với xu hướng của chỉ số VN30. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2107 và VN30F2108 tăng trong khi VN30F2109 và VN30F2112 giảm về vị thế mở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1570 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2102	8/2/2021	27	5:1	429,400	31.17%	3,000	9,140	3.86%	7,085	1.29	135,000	120,000	155,000
CPNJ2102	8/2/2021	27	5:1	117,100	30.66%	2,000	5,100	2.20%	3,978	1.28	90,000	80,000	99,600
CMWG2105	8/27/2021	52	8:1	252,000	31.17%	2,950	5,000	1.01%	3,116	1.60	155,100	131,500	155,000
CHPG2106	8/27/2021	52	2:1	55,900	37.26%	4,100	12,500	0.00%	956	13.08	42,937	36,908	48,000
CMSN2103	8/13/2021	38	6:1	148,000	37.36%	3,000	5,010	-0.40%	3,599	1.39	106,000	88,000	109,000
CVPB2103	8/9/2021	34	2:1	300,100	37.76%	2,700	17,400	-0.63%	17,331	1.00	41,900	36,500	71,000
CVHM2105	8/13/2021	38	8:1	273,600	33.10%	1,500	2,800	-0.71%	966	2.90	117,500	105,500	110,300
CVPB2015	7/30/2021	24	1:1	29,900	37.76%	5,600	46,360	-1.30%	45,081	1.03	31,600	26,000	71,000
CHPG2105	8/9/2021	34	2:1	113,800	37.26%	3,000	15,000	-4.46%	3,232	4.64	48,000	42,000	48,000
CNVL2102	9/27/2021	83	16:1	435,600	33.16%	1,100	3,320	-4.87%	231	14.39	107,608	94,636	117,000
CTCB2012	7/30/2021	24	1:1	61,400	38.52%	5,400	33,980	-5.58%	32,069	1.06	27,400	22,000	54,000
CTCB2104	8/27/2021	52	2:1	115,900	38.52%	2,000	7,800	-6.02%	4,465	1.75	49,800	45,800	54,000
CKDH2002	8/16/2021	41	4:1	233,600	32.72%	1,600	3,370	-6.13%	2,229	1.51	30,666	24,848	36,100
CSTB2103	8/9/2021	34	2:1	246,900	45.56%	1,400	7,100	-6.46%	6,215	1.14	20,800	18,000	30,350
CTCB2101	10/5/2021	91	1:1	118,900	38.52%	5,000	25,980	-7.21%	23,369	1.11	36,000	31,000	54,000
CHPG2108	8/12/2021	37	5:1	261,700	37.26%	1,200	4,170	-7.74%	20	211.25	48,124	43,713	48,000
CHPG2107	8/12/2021	37	5:1	157,100	37.26%	1,300	4,240	-7.83%	20	208.35	48,463	43,684	48,000
CSTB2104	8/27/2021	52	1:1	98,600	45.56%	4,000	10,010	-10.63%	7,692	1.30	26,900	22,900	30,350
CVRE2013	7/30/2021	24	1:1	343,500	36.90%	5,000	3,810	-15.33%	2,424	1.57	32,500	27,500	29,500
CTCB2103	8/9/2021	34	2:1	301,700	38.52%	2,900	9,600	-16.38%	9,328	1.03	41,300	35,500	54,000
Tổng				3,665,300	37.02%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 6/7/2021, chứng quyền và chứng khoán cơ sở phần lớn ở trong sắc đỏ. Giá trị giao dịch giảm mạnh so với phiên hôm trước.
- Về giá, CMWG2102 và CMSN2102 tăng mạnh nhất lần lượt là 3.9% và 2.4%, ở chiều hướng ngược lại, CVRE2104 và CVNM2101 giảm mạnh nhất lần lượt là 18.8% và 17.9%. Thanh khoản thị trường giảm 28.7%. CVPB2103 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.2% thị trường.
- Tất cả các chứng quyền đều có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết. CVPB2015 và CTCB2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2015 và CHPG2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	155.0	-6.9%	0.9	3,203	6.9	9,051	17.1	4.3	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	99.6	0.3%	1.0	985	5.9	4,974	20.0	3.9	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	55.9	-4.1%	1.5	1,804	7.1	2,548	21.9	2.0	27.0%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	38.9	-2.0%	0.4	378	0.1	3,809	10.2	1.2	49.0%	12.2%
VIC	Bất động sản	112.0	-2.6%	0.7	16,471	14.9	2,174	51.5	4.7	15.8%	9.0%
VRE	Bất động sản	29.5	0.0%	1.1	2,914	8.0	1,175	25.1	2.2	30.5%	9.3%
VHM	Bất động sản	110.3	-6.9%	1.0	15,775	21.3	7,874	14.0	4.0	22.9%	33.6%
DXG	Bất động sản	21.3	-7.0%	1.3	480	14.7	(61)		1.7	26.4%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	52.6	-6.9%	1.5	1,498	40.4	2,776	19.0	3.0	47.0%	16.2%
VCI	Chứng khoán	54.9	-6.9%	1.0	795	9.7	2,851	19.3	3.7	20.8%	22.1%
HCM	Chứng khoán	49.4	-7.0%	1.6	655	17.7	2,462	20.1	3.2	47.9%	16.4%
FPT	Công nghệ	87.0	-6.1%	0.9	3,433	10.4	4,103	21.2	4.7	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	79.1	-1.1%	0.4	1,129	0.0	4,304	18.4	5.5	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	85.8	-6.7%	1.3	7,140	5.7	3,946	21.7	3.3	2.7%	14.9%
PLX	Dầu khí	51.7	-5.1%	1.5	2,796	4.6	2,915	17.7	2.7	17.3%	16.8%
PVS	Dầu khí	25.0	-7.4%	1.7	520	19.1	1,375	18.2	1.0	7.9%	5.4%
BSR	Dầu khí	18.9	-6.0%	0.8	2,548	17.9	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	94.8	0.3%	0.4	539	0.1	5,647	16.8	3.3	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	20.9	-6.9%	0.7	356	2.4	1,928	10.8	1.0	14.1%	9.4%
DCM	Hóa chất	19.0	-2.8%	0.6	436	2.8	1,122	16.9	1.6	2.2%	9.4%
VCB	Ngân hàng	112.0	-1.4%	1.1	18,061	8.2	5,709	19.6	4.1	23.6%	22.8%
BID	Ngân hàng	44.0	-5.7%	1.3	7,694	14.3	2,048	21.5	2.2	16.6%	10.6%
CTG	Ngân hàng	48.5	-6.9%	1.3	7,852	58.7	4,765	10.2	2.0	25.1%	20.9%
VPB	Ngân hàng	71.0	-2.3%	1.2	7,578	104.3	4,626	15.3	3.1	15.4%	22.5%
MBB	Ngân hàng	40.1	-7.0%	1.2	4,880	41.7	3,612	11.1	2.2	21.0%	21.6%
ACB	Ngân hàng	36.0	-5.1%	1.0	4,229	16.4	3,194	11.3	2.6	37.5%	25.6%
BMP	Nhựa	57.4	-0.3%	0.7	204	0.3	6,160	9.3	2.0	83.1%	20.3%
NTP	Nhựa	49.4	-1.0%	0.5	253	0.0	3,988	12.4	2.1	19.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	19.0	-3.6%	0.7	908	0.8	39	487.2	1.5	10.1%	0.3%
HPG	Thép	48.0	-6.3%	1.1	9,335	106.5	4,056	11.8	3.3	26.3%	31.3%
HSG	Thép	38.7	-7.0%	1.4	823	26.3	4,914	7.9	2.3	10.1%	35.0%
VNM	Tiêu dùng	87.0	-2.5%	0.7	7,905	18.1	4,682	18.6	5.8	54.9%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	164.0	-1.5%	0.8	4,573	0.5	7,561	21.7	5.3	62.9%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	109.0	-2.3%	1.0	5,595	10.0	1,281	85.1	7.9	33.0%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	19.2	-6.3%	1.2	515	3.7	1,131	17.0	1.5	8.4%	8.7%
ACV	Vận tải	75.0	-2.6%	0.8	7,099	0.6	577	130.0	4.4	3.6%	3.4%
VJC	Vận tải	119.3	0.8%	1.1	2,809	3.2	2,256		4.3	18.3%	8.3%
HVN	Vận tải	26.5	-1.9%	1.7	1,634	0.8	(9,327)		26.1	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	41.4	-7.0%	1.0	542	5.7	1,246	33.2	2.1	41.4%	6.2%
PVT	Vận tải	18.7	-7.0%	1.3	263	4.7	2,281	8.2	1.2	12.9%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	108.0	-3.6%	0.9	751	2.6	8,479	12.7	4.1	4.0%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	29.0	-2.2%	0.4	565	0.2	1,604	18.1	2.0	5.7%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.5	-3.1%	0.9	257	0.3	1,566	9.9	1.1	2.8%	11.0%
CTD	Xây dựng	61.0	-2.9%	1.1	197	0.8	3,352	18.2	0.5	44.0%	3.0%
CII	Xây dựng	18.0	-1.9%	0.5	187	1.8	56	323.5	0.9	22.1%	0.2%
REE	Điện	52.5	-4.2%	-1.4	705	2.2	5,770	9.1	1.4	49.0%	16.3%
PC1	Điện	26.3	-2.2%	-0.4	219	1.1	2,371	11.1	1.2	9.8%	13.2%
POW	Điện	11.5	-2.1%	0.6	1,166	5.4	1,037	11.0	0.9	2.9%	8.6%
NT2	Điện	20.2	-1.5%	0.5	253	0.4	1,872	10.8	1.4	14.9%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	35.7	-6.9%	1.0	729	37.2	1,639	21.8	1.6	19.4%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	53.9	0%	0.9	2,426	0.0			3.4	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVL	117.00	1.74	0.59	3.02MLN
VJC	119.30	0.85	0.15	618400
VIB	50.50	0.60	0.09	4.87MLN
BHN	62.10	1.47	0.06	17800
IMP	75.00	3.45	0.05	14900

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	-0.01	-7.46	4.26MLN	1.11MLN
HPG	-0.01	-3.89	48.22MLN	607060
TCB	-0.01	-3.81	23.01MLN	373600
CTG	-0.01	-3.64	26.00MLN	192700
GAS	-0.01	-3.22	1.42MLN	611640

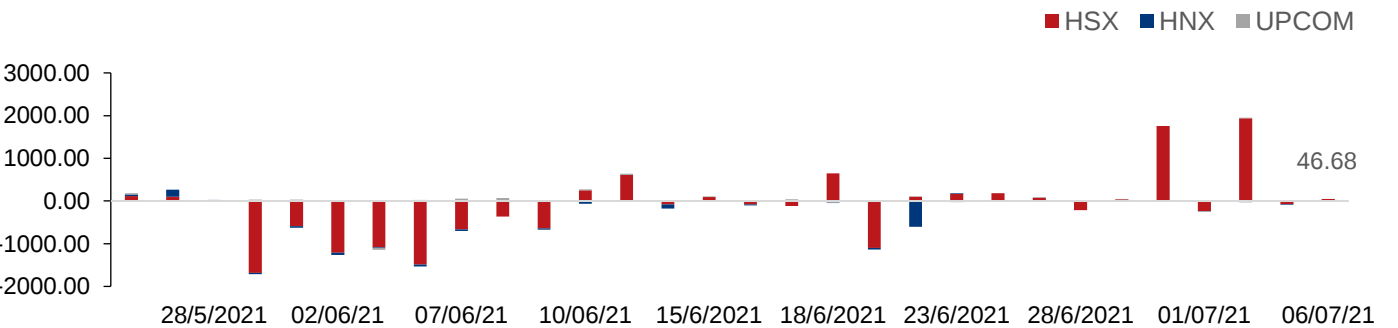
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CIG	6.18	6.92	0.00	101500.00
SGT	23.30	6.88	0.03	653600
RDP	10.05	6.69	0.01	216900
BRC	13.80	4.55	0.00	52500
PGD	29.10	3.93	0.03	13300

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TPB	36.55	-7.00	-0.80	8.02MLN
HVX	5.32	-6.99	0.00	23800
DXG	21.30	-6.99	-0.23	15.30MLN
VNE	7.59	-6.99	-0.01	1.15MLN
ABS	24.65	-6.98	-0.04	370500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	36.0	3,194	11.3	2.6	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	75.0	577	130.0	4.4	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	9.4	600	15.7	0.9	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	9.1	-363		0.8	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	27.6	3,834	7.2	1.2	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	48.5	4,765	10.2	2.0	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	19.0	1122.1	16.9	1.6	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	78.0	5,505	14.2	3.2	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	127.5	7,653	16.7	4.3	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	20.9	1,928	10.8	1.0	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	29.5	2,379	12.4	2.0	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	21.3	-61		1.7	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	87.0	4,103	21.2	4.7	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	33.8	1,091	31.0	2.8	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	42.8	7,082	6.0	2.0	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	48.0	4,056	11.8	3.3	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	38.7	4,914	7.9	2.3	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	15.5	1,566	9.9	1.1	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	7.6	-1,032		0.7	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	35.7	1,639	21.8	1.6	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	36.1	1,946	18.6	2.7	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	28.0			2.0	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	38.0	3,258	11.7	1.5	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	60.1	5,257	11.4	2.1	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	109.0	1,281	85.1	7.9	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	155.0	9,051	17.1	4.3	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	37.8	4,008	9.4	1.6	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	24.0	2,120	11.3	1.5	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	99.6	4,974	20.0	3.9	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	11.5	1,037	11.0	0.9	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	20.1	0	130.7	0.6	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	25.0	1,375	18.2	1.0	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	164.0	7,561	21.7	5.3	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	19.2	1,131	17.0	1.5	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	39.9	8272.5	4.8	1.4	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	54.0	4,074	13.3	2.4	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	112.0	5,709	19.6	4.1	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	47.5	4,166	11.4	2.5	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	19.1	570	33.5	1.5	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	40.4	3,837	10.5	1.4	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	110.3	7,874	14.0	4.0	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	87.0	4,682	18.6	5.8	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	71.0	4,626	15.3	3.1	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	29.5	1,175	25.1	2.2	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	83.0	3,256	25.5	7.1	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây [Link](#)

Bản công bố rủi ro [Link](#)

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng [Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VHC 2021Q2	25/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 47000 ; Giá tại Publish 39400 Định giá: Chúng tôi nâng khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VHC với giá mục tiêu mới là 47,000 VND (+19.3% so với mức giá ngày 24/05/2021), cao hơn 20% so với giá mục tiêu cũ sau khi (i) kỳ vọng hoạt động kinh doanh hồi phục từ mức nền thấp (ii) tăng mức P/E mục tiêu từ 6.5 lên 9.
VGT 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 19040; Giá tại Publish 16800 Dự báo KQKD: BSC dự phóng doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ của VGT năm 2021 lần lượt đạt 15,900 tỷ (+13.8% YoY) và 436 tỷ (+33.0% YoY) Luận điểm đầu tư: (1) Doanh nghiệp đầu ngành dệt may với quỹ đất sử dụng lớn tại các trung tâm thành phố, (2) Triển vọng hoạt động kinh doanh phục hồi từ đáy khủng hoảng.
NLG 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 44600 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của NLG lần lượt ước đạt 6,557 tỷ đồng (+190.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 1,206 tỷ đồng (+44% YoY). EPS FW 2021 = 4,228 đồng. PE FW 2021 = 8.7 lần.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639